

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 29

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 28 trong kinh)

Thứ bốn mươi sáu: Ca ngợi Đức Phật xuất thế. Như kệ của Đồng tử Đại Uy Quang trước đây, âm thanh là báo cho biết...

Một: Hạnh bố thí, tức là Hạnh thuộc về Pháp thí, trong đó có ba: 1- Thấy Phật xuất thế; 2- Từ “Dĩ đại...” trở xuống là Pháp thí làm lợi ích cho chúng sinh; 3- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là kết luận về lợi ích đã thành tựu.

Trong tiết 2 có bốn: a- Lợi ích khiến cho nghe đến danh hiệu, là xa phiền não; b- Từ “Phục cánh...” trở xuống là lợi ích được thấy Phật, tự mình phát khởi thực hành; c- Từ “Phục vi...” trở xuống là lợi ích ca ngợi hiếm có, tăng thêm cung kính; d- Từ “Phục ư...” trở xuống là lợi ích lần lượt chuyển tiếp tăng thêm nhiều hơn.

Tiết 3 là kết luận về lợi ích, có thể biết.

Hai: Hạnh hồi hương, có thể biết.

Thứ bốn mươi bảy: Bố thí đất đai, chỉ nói về tướng tổng quát.

Một: Hạnh bố thí, tóm lược nêu ra các loại ruộng, mà thật sự bao gồm tất cả.

Nói là người khác, bởi vì có giúp đỡ tiền của cho người ta mà không phải là cung kính-không phải là thương xót. Bồ-tát thì bao gồm tất cả Thiện tri thức, chủ yếu là do mình làm lợi ích. Trong đó: Thấp thờ Phật, Bồ-tát, tri thức, cha mẹ, là ruộng Ân cũng là ruộng Kính; chúng Tăng-Nhị thừa là ruộng Đức cũng là ruộng Kính; người nghèo khó-đơn độc là ruộng Bi cũng là ruộng Khổ. Những ruộng này đều có thể sinh ra phước thiện, như ruộng của thế gian.

Nếu ruộng Kính có bệnh tật, thì cũng Kính-cũng Bi, mới làm thành bốn câu phân biệt, vì vậy Trí Luận quyển thứ 14 nói: “Một- Bồ thí do thương xót, nghĩa là đối với người nghèo khó-thấp hèn và súc sinh. Hai-

Bố thí do cung kính, nghĩa là đối với Phật và Pháp thân Bồ-tát... Ba- Bố thí do thương xót và cung kính, nghĩa là đối với người già-bệnh-nghèo khó, A-la-hán, Bích-chi Phật...”

Tổng quát thu nhận làm hai, đó là Bi và Kính. Không phải là Kính-không phải là Bi, cũng là ruộng Bi thâm nhiếp, bởi vì không có đức đáng để cung kính.

Nhưng hai loại ruộng này dùng Lý để chế ngự tâm thì bình đẳng không có hơn-kém, cho nên kinh Tịnh Danh nói: “Người cầu xin thấp nhất giống như Như Lai, ruộng phước không có gì khác nhau, không có gì phân biệt, Đại Bi đều giống nhau.”

Nếu chỉ dựa vào Cảnh mà luận, thì Kính mạnh mà Bi kém, bởi vì ân sâu-đức dày, như kinh Hiệu Lượng Công Đức có nói. Nếu dựa vào Tâm thì ruộng Bi là hơn hẳn, bởi vì gần gũi dẫn đến Bi, cho nên Kính thì ruộng mạnh mà tâm Bi yếu, Bi thì ruộng yếu mà tâm Bi mạnh, đều có điểm tốt đẹp của mỗi loại, đều là ruộng tốt.

Nếu đều là ruộng Kính thì Ân hơn Đức, bởi vì kinh Hiệu Lượng nói: “Cúng dường một trăm vị A-la-hán không bằng cúng dường cha mẹ một đời của mình.”

Trong kinh A Hàm nói: “Cung dường cha mẹ và cúng dường bậc Nhất sinh Bồ xứ, có công đức như nhau.”

Nếu cùng là ruộng Ân, đối với người tại gia thì Ân cha mẹ là hơn, người xuất gia thì Ân của Sư Tăng là hơn, như kinh Xá Lợi Phất Thỉnh Vấn có nói.

Hoặc dựa theo sinh ra Sắc thân và sinh ra Pháp thân, thì hơn-kém có thể biết rõ.

Cùng là ruộng Đức thì riêng biệt không bằng rộng khắp, vì vậy kinh Phạm Võng nói: “Riêng biệt thỉnh cầu năm trăm A-la-hán Bồ-tát Tăng, không bằng thỉnh cầu Tăng theo thứ tự một phạm phu Tăng.”

Lại do ruộng của chủ tài sản khác nhau, cảm báo hơn-kém đủ loại không giống nhau, sợ rằng văn nhiều cho nên không chép ra.

Nhưng nay trong này nói về tâm bố thí của Bồ-tát, Bi-Trí sánh bằng hư không, sự vật cùng tận pháp giới, bố thí ruộng phạm Thánh cùng tận mười phương, cho nên tánh Không của ba sự việc sâu xa không có đáy, ba sự việc thù thắng không gì sánh được, ba sự việc rộng lớn khắp nơi không có giới hạn, ba sự việc dung thông với nhau đều không có gì ngăn ngại.

Hai: Trong Hạnh hồi hướng có mười Nguyện: Đầu là một Nguyện về địa vị của quả, còn lại chín Nguyện là địa vị của nhân, đều có nghĩa

tương tự, như lý nên suy nghĩ.

Thứ bốn mươi tám: Bồ thí đồng bộc (tôi tớ). Trẻ nhỏ đẹp đẽ gọi là Đồng, bởi vì học theo coi ngó hầu hạ; canh giữ bảo vệ gọi là Bộc, bởi vì làm đủ công việc nặng nhọc.

Nhưng không tha cho họ, thuận theo cái tốt mà bồ thí cho người, vẫn khiến cho trở thành tôi tớ, là bởi vì biển Hạnh của Bồ-tát không có điều thiện nào không tu. Nếu chỉ tha cho họ, thuận theo cái tốt thì có ba nghĩa thiếu sót: 1- Biển Hạnh không đầy đủ; 2- Bốn nguyện của tôi tớ ấy không đầy đủ; 3- Quả Phật thiếu đi đức Ứng với căn cơ này. Còn lại có thể biết.

Thứ bốn mươi chín: Bồ thí tự thân để làm công việc hầu hạ.

Một- Hạnh bồ thí, có thể biết.

Hai- Trong Hạnh hồi hướng có hai mươi Nguyện: Mười Nguyện trước là tiến tới điều thiện, mười Nguyện sau là an trú giữ gìn (Trú trì).

Thứ năm mươi: Nghe pháp vui mừng, xả thân cúng dường Đức Phật.

Một: Hạnh bồ thí, tức là cúng dường cả Tài và Pháp thí, trong văn có ba: 1- Nêu lên Thể của Hạnh. 2- Từ “Hân lạc...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của Hạnh, đầu là Hành thuộc Tự lợi, sau từ “Năng dĩ như...” trở xuống là Hạnh thuộc Lợi tha. 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về thành tựu lợi ích của Hạnh. Còn lại có thể biết.

Thứ năm mươi một: Dùng thân mạng để bồ thí cho tất cả chúng sinh khắp nơi.

Một: Hạnh bồ thí, cũng đầy đủ về Sự bồ thí và Pháp bồ thí: 1- Tổng quát nêu lên; 2- Từ “Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Nếu dựa theo Sự thì thân làm ánh sáng mặt trời-mặt trăng, sông-hồ-giếng-suối, dùng để bồ thí cho chúng sinh, bởi vì thân được tự tại đối với ba loại thế gian. Nếu dựa theo Pháp thí, thì ngọn đèn giáo pháp chiếu rọi, mặt trời giáo pháp làm lợi ích bình đẳng. Trong văn, hoặc là Pháp-hoặc là Sự, mà nghĩa thật sự bao gồm cả hai.

Hai: Trong Hạnh hồi hướng: Hạnh bồ thí trên đây là dùng thân dựa vào chúng sinh..., trở lại nguyện cho chúng sinh dùng thân để gần với Đức Phật, tùy theo nghĩa mà suy nghĩ.

Thứ năm mươi hai: Bồ thí thân mạng để làm công việc hầu hạ chư Phật.

Một: Hạnh bồ thí, cũng có thân hầu hạ, tâm hầu hạ.

Hai: Hạnh hồi hướng, cũng dựa vào thân-tâm hầu hạ để lập Nguyện.

Thứ năm mươi ba: Bồ thí tất cả đất nước cho đến ngôi vua.

Một: Hạnh bồ thí: Trước là trình bày về sự việc bồ thí; sau từ “Ư chú...” trở xuống là tâm bồ thí ấy. Tự tại là câu tổng quát, mười câu sau là riêng biệt về hiện tại rời bỏ đất nước vạn cỗ xe, giống như cởi bỏ giày dép đâu có gì ràng buộc? Những nghĩa còn lại xem ở phẩm Thập Tạng.

Thứ năm mươi bốn: Bồ thí đô thành của nhà vua, có thể biết.

Thứ năm mươi lăm: Bồ thí quyền thuộc trong cung.

Một: Hạnh bồ thí, có hai: 1- Nữ quyền thuộc xinh đẹp đầy đủ các đức; 2- Từ “Nhi ư...” trở xuống là trình bày về tâm bồ thí thanh tịnh.

Hai: Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về Hạnh hồi hướng, văn phân làm hai: 1- Ý của hồi hướng; 2- Chính thức hiển bày về hồi hướng.

Tiết 1: Bởi vì sự việc trải qua sắp kết thúc, xu thế của văn ít mở rộng ra, mà văn của một môn này xuyên suốt trước-sau. Nhưng bản kinh thời Tấn thì hai chữ Hồi Hướng đều ở đầu câu, tức là ý về Hồi hướng Bồ-đề; nay kinh thì hai chữ Hồi Hướng ở cuối câu, tức là ý của Hồi hướng.

Nhưng ý của hồi hướng và hồi hướng những việc đã làm, giống nhau trên đại thể, chỉ khác nhau ở chi tiết.

Vì sao khác nhau ở chi tiết? Nghĩa là bởi vì có ý này cho nên hồi hướng, nay hồi hướng là bởi vì thành tựu điều này. Lại ý thì phần nhiều bao gồm các Hạnh, những việc đã làm thì riêng biệt dựa theo Hạnh bồ thí.

Nói giống nhau trên đại thể, là ý bởi vì điều này. Dựa vào văn lại có hai: Đầu là chính thức hiển bày về ý của hồi hướng, văn có mười câu. Sau từ “Phật tử...” trở xuống là nhắc lại lần nữa về ý trước đây muốn đem hồi hướng: Câu đầu là tổng quát chỉ ra ý trên, cho nên nói là trú vào pháp như vậy. Từ “Sinh Như Lai gia...” trở xuống là thuận theo sau nhắc ngược trở lại, cũng có mười câu: 1- Nhắc lại về tiến vào nhà của Phật. 2- Nhân thù thắng tức là pháp thiện xuất thế gian. 5 câu tiếp theo có thể biết. 8- Phương tiện khéo léo, nghĩa là không vững chắc khiến cho dễ dàng vững chắc. 9- Tu tập, là đạt được pháp Hỷ. 10- Thường thân nhiếp thiện căn vì khiến cho xuất ly.

Tiết 2: Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hướng, văn có mười Nguyện, tùy theo mỗi một Nguyện có đủ mười ý trước đây. Mười Nguyện đều nói đến Tam-muội, bởi vì Thiên định-Khinh an, thân-tâm hòa diệu giống như nữ quyền thuộc ấy, cho nên kê

của Thiện Tài nói rằng: Thiên định là người nữ, thường cung cấp hầu hạ.

Ba là cùng kết luận và bốn là những việc đã làm, đều có thể biết.

Thứ năm mươi sáu: Bồ thí vợ-con, hai sự việc hợp lại một Nguyên.

Một: Hạnh bố thí, có hai: 1- Nêu lên chương mục dẫn ra ví dụ: Tu-đạt-noa, Trung Hoa nói là Thiện Ái, hoặc nói là Hảo Ái, sự việc như kinh ấy nói. Hiện Trang Nghiêm Vương, như kinh Đại Trang Nghiêm nói. Lại như kinh Bồ Tát Bốn Duyên nói, Vương tử Nhất Thiết Trì bố thí hai người con... 2- Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về tâm chủ động bố thí, trong đó: Đầu là nơi dựa vào thuộc Tự phần; sau từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là những việc đã làm thuộc Thắng tiến: a-Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; b- Từ “Tự quán...” trở xuống là quán sát thân mình không vững chắc huống là đối với vợ con; c- Từ “Hựu dĩ...” trở xuống là tu tập về pháp kiên cố của Tự lợi-Lợi tha.

Hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về Hạnh hồi hướng, có mười một Nguyên: Một Nguyên đầu là dựa vào tâm bố thí bởi vì muốn làm cho rộng khắp; hai Nguyên tiếp là dựa vào vợ để lập Nguyên; ba Nguyên tiếp và một Nguyên sau cuối là dựa vào con để lập Nguyên, bởi vì sinh ra từ tâm mình, cho nên giống như xương thịt của mình; còn lại bao gồm dựa vào ba sự việc trên để lập Nguyên.

Nhưng đã bố thí là Hóa-Thật nên làm thành bốn câu phân biệt: 1- Người cầu xin là Hóa, đã bố thí là Thật, như kinh Hiền Ngu nói: “Thiên Vương Tỳ-sa-môn hóa làm Dạ-xoa, đi theo nhà vua cầu xin con...” Đây là bởi vì phá chấp của Bồ-tát. 2- Người cầu xin là Thật, đã bố thí là Hóa, như trong Nhiếp Luận nói: “Vua Tỳ-tuần-đà bố thí con cho Bà-la-môn, là hóa hiện không có phiền muộn, bởi vì Bồ-tát phương tiện làm mãn ý của người cầu xin. 3-Đều là Hóa để dựa vào cảnh tỉnh chúng sinh. 4- Đều là Thật.

Lại có hai loại: 1- Mới thực hành, bởi vì lúc muốn đem bố thí đã nhiều lần hỏi về việc này. Luận Du Già quyển thứ 39 nói: “Lúc bố thí vợ con thì trước hết là nói rõ cho biết, khiến cho vui vẻ, hoàn toàn không cưỡng bức khiến cho họ buồn phiền. Đối với người đến cầu xin, tuy dùng lời nói ngay thẳng để nói cho biết, mà không bố thí cho kẻ thù...” 2- Căn thuần thực, người đã bố thí ấy, phần nhiều cùng kết thành chí nguyện với Bồ-tát, làm chủ-bạn cho nhau, nay đem để bố thí chính là như ý đã mong cầu của mình. Vì vậy văn sau kinh nói: Đời đời ở nơi

hành bố thí, nguyện thường dùng tôi để bố thí.

Thứ năm mươi bảy: Bố thí nhà cửa, có thể biết.

Thứ năm mươi tám: Bố thí vườn rừng...

Một: Trong Hạnh bố thí, có hai: 1- Nêu lên khởi niệm; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là lia xa lỗi lầm-thành tựu công đức. Còn lại có thể biết.

Thứ năm mươi chín: Thiết hội bố thí lớn.

Một- Trong Hạnh bố thí: 1- Tổng quát nêu lên. 2- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là lia xa lỗi lầm-thành tựu công đức, chọn củi mà đun-lọc nước mà dùng, không bắt ép cầu xin, gọi là không làm phiền lòng chúng sinh; nay phần nhiều trái lại điều này, lẽ nào thành tựu lợi ích to lớn hay sao? 3- Từ “Khai trí...” trở xuống là sơ lược hiển bày về nghi thức. 4- Từ “Phát thậm nan đặc...” trở xuống là hiển bày về tâm làm chỗ dựa của bố thí mà thành tựu Ba-la-mật.

Thứ sáu mươi: Bố thí vật dụng sinh hoạt, bởi vì riêng biệt nói về các môn thì không thể hết được, cho nên cuối cùng tổng quát nói về tất cả vật dụng sinh hoạt. Văn chỉ có hai: Một- Hạnh bố thí; Hai- Hạnh hồi hướng. Bởi vì gần với văn sau đã kết luận cho nên thiếu hai tiết sau.

Một: Hạnh bố thí, có bốn: 1- Lúc bố thí lia xa lỗi lầm; 2- Từ “Thiện tư duy...” trở xuống là phân rõ về chỗ dựa của bố thí; 3- Từ “Tùy chư chúng sinh...” trở xuống là chính thức trình bày về Hạnh bố thí; 4- Từ “Hạnh thử thí...” trở xuống là hiển bày về đức đã thành tựu.

Hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là trong tiết trình bày về Hạnh hồi hướng, có hai: 1- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2- Từ “Nguyện nhất thiết...” trở xuống là chính thức hiển bày.

Trong hiển bày có mười Nguyện, vật dụng sinh hoạt có nhiều loại cho nên Nguyện cũng có chủng loại khác nhau: 1- Nguyện bố thí vật dụng sinh hoạt để rửa sạch; 2- Nguyện bố thí vật dụng sinh hoạt để quét dọn. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ. Vả lại, vật dụng sinh hoạt là tổng quát trình bày, Nguyện cũng là tổng quát phát khởi, không hẳn là phối hợp riêng biệt.

Trên đây là dựa vào nêu lên để riêng biệt hiển bày về Thiện căn Hồi hướng, xong.

Mục ba: Từ “Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát tùy chư chúng sinh...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn của Thiện căn Hồi hướng, bởi vì riêng biệt thì không thể hết được, cho nên ở đây tổng quát trình bày. Văn phân hai mục riêng biệt: Trước là kết luận về thiện căn, tức là Hạnh bố thí trước đây; sau từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về hồi

hướng trước đây.

Mục trước phân ba: 1- Kết luận về vật đã bố thí, nghĩa là Bồ-tát đã bố thí không chỉ có sáu mươi loại, cho nên đều dùng số Tăng-kỳ. 2- Từ “Vi linh...” trở xuống là kết luận về những việc đã làm của bố thí. 3- Từ “Thời thập phương...” trở xuống là kết luận về tâm chủ động bố thí.

Trong mục 2, văn hàm chứa hai ý, bởi vì đầu xuyên suốt về sau tức là những việc đã làm. Nếu dựa vào Đại Bi bình đẳng mà thực hành bố thí, thì đó là chỗ dựa của bố thí, những việc đã làm tức là bao gồm Tự-Tha, làm chỗ dựa tức là nơi trú vào của tự tâm.

Luận Du Già quyển thứ 39 nói: “Lại các Bồ-tát, đối với những chúng sinh có oán thù thì dùng ý thích của Từ mà thực hành bố thí ân huệ, đối với những chúng sinh có đau khổ thì dùng ý thích của Bi, đối với những cúng sinh có đức hạnh thì dùng ý thích của Hỷ; đối với những chúng sinh có ân huệ-thân thiện cùng chung ý hướng thì dùng ý thích của Xả mà thực hành bố thí. Nên biết rằng cũng gọi là Tuệ khéo léo của Bồ-tát mà thực hành bố thí.”

Trong văn: Đầu là câu tổng quát; sau từ “Đại Bi...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng không gián đoạn, nghĩa là dùng bốn Đẳng Tâm mà thực hành vạn hạnh, làm cho nối tiếp nhau không gián đoạn. Trước là Bi; tiếp là Từ không gián đoạn; từ “Nhất thiết...” trở xuống là trình bày về Đại Xả; sau là mở rộng trình bày về Đại Hỷ. Lại phần Ly tướng ở sau cũng là Đại Xả.

Trong mục 3 là kết luận về tâm chủ động bố thí, có bốn tiết:

Tiết một: Đối với nhiều ruộng sinh Hỷ lìa xa lỗi lầm.

Tiết hai: Từ “Thời chư khát...” trở xuống là trình bày về ruộng ấy càng nhiều thì Hỷ ấy càng rộng.

Tiết ba: Từ “Giả sử...” trở xuống là so sánh để hiển bày về rộng lớn, sơ lược nêu ra Lạc (niềm vui) đã cảm nhận của mười vị Vương, không bằng tâm Hỷ Lạc của Bồ-tát, trong đó: Trời cõi Sắc thiếu mất cõi Quang Âm.

Nếu dựa vào kinh Anh Lạc có mười lăm, thì Luân Vương là Thiên Vương của Thiên thứ hai, Thiên Vương thứ mười ba ấy, nên nói là Lạc của Thiên Vương hai ngàn thế giới (Nhị thiên). Nếu Thiên Vương của ba ngàn thế giới (Tam thiên), thì tức là Giác Đức Quang Tướng Luân thứ mười bốn, làm Thiên Vương của ba cõi, là Bồ-tát ở phần vị Đẳng Giác. Lại dựa vào mười số lớn sau Bất Khả Tư, còn có Bất Khả Lượng.

Nay văn thiếu mất điều này, thì tướng tự bản tiếng Phạn sót mất Thiên thứ hai, Thiên thứ tư trở lên tuy Xả Thọ tương ứng với Địa không

có Lạc của Báo, mà có Lạc của Định, bởi vì tất cả Thiền định đều có Lạc thích hợp với niềm vui của Khinh an. Lại năm phần Na-hàm có Lạc của Giải thoát, mà Báo trong cõi Vô sắc thì không hiển hiện, cho nên ở đây không nói đến.

Nếu theo trong luận Đại Trượng Phu Hạnh, thì Hỷ Lạc của Bồ-tát vượt quá Niết-bàn của thế gian và Nhị thừa. Nay chỉ nói vượt quá thế gian, bởi vì trong cõi trời Tịnh Cư bao gồm Lạc của Nhị thừa.

Tiết bốn: Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là kết luận về mức độ rộng sâu của Hỷ. Bồ-tát thấy người cầu xin sinh tâm hoan hỷ là như thế nào? Nghĩa là Hạnh bố thí đã thành thực, chướng ngại của bố thí đã hết sạch.

Nói chướng ngại của bố thí, luận Du Già quyển thứ 39 nói: “Lại các Bồ-tát, đối với chướng ngại của bố thí và đối trị nhận biết rõ ràng như thật. Chướng ngại của bố thí có bốn: 1- Trước chưa quen luyện tập; 2- Vật bố thí có tốt xấu; 3- Mê đắm theo vật tuyệt diệu nhất; 4- Vui mừng về quả đầy đủ tài sản ở đời vị lai. Làm thế nào để đối trị? 1- Nếu đang có vật bố thí mà người cầu xin đang ở trước mặt, nhưng tâm bố thí không phát khởi, thì cần phải quán sát tâm này, bởi vì trước đã luyện tập, nay nếu không bố thí thì trong đời sau nhất định sẽ rời bỏ Hạnh bố thí, vì vậy cần phải cố gắng khích lệ suy nghĩ lựa chọn mà thực hành bố thí. 2- Quán sát lỗi lầm của nghiệp vốn có, nay nhận chịu nỗi khổ của đói khát thiếu thốn, hãy còn phải mất thân, hướng hồ có được mạng sống ngắn ngủi mà không thực hành bố thí hay sao? 3- Nên quán sát niềm vui hư vọng có thể sinh ra nỗi khổ ở đời sau. 4- Nên quán sát về quả ở đời sau là tà vạy, quả báo nhanh chóng hủy diệt ly tán, mà cầu Đại Bồ-đề.”

Mục sau là kết luận về hồi hướng trước đây. Hồi hướng tùy theo nghĩa đã đầy đủ ở văn trên, nay chỉ kết luận về hồi hướng những việc đã làm ấy, là hiển bày về phần riêng biệt từ trước đến nay, riêng biệt hồi hướng không ra ngoài phần này, có thể biết.

Phần b: Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ chư thiện căn, như thị hồi hướng thời...” trở xuống là trình bày về Ly tướng hồi hướng, tức là Hạnh hướng về Thật tế xứng với Niết-bàn. Ở đây làm sáng tỏ về Hạnh, trước đây làm sáng tỏ về Hạnh rộng lớn, bởi vì sâu xa-rộng lớn đồng thời mà nói thì không thể nào cùng làm sáng tỏ được. Văn phân làm hai: Trước là chính thức trình bày về Ly tướng; sau từ “Bồ-tát như thị quán sát...” trở xuống là không ngăn ngại Tùy tướng.

Trong phần trước có ba mục: Một-Sơ lược nêu lên; hai-Từ “Vô

chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; ba-Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra giải thích.

Trong mục một, ba câu về Giải thoát là tổng quát, không đắm theo cõi bỏ, không vướng vào ràng buộc, là Giải thoát chân thật.

Trong mục hai là riêng biệt hiển bày, có hai: 1- Bên trong bật dứt nhớ nghĩ (Tưởng niệm) cho nên không có trói buộc-cởi bỏ; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là tiếp xúc với cảnh mà lìa xa cấu nhiễm cho nên không có trói buộc-cởi bỏ.

Mục 1, phân hai: a- Trình bày về bật dứt nhớ nghĩ; b- Từ “Như thị...” trở xuống là làm sáng tỏ về thành tựu Hạnh ấy.

Trong mục a lại có hai mục: Một-Bật dứt Tưởng về Ngã, nhưng vọng chấp trong pháp, đầy đủ như trước đã giải thích. Hai-Từ “Vô hữu tướng...” trở xuống là bật dứt Tưởng về Pháp, phần trước dùng Pháp để làm mất Ngã, nay thì dùng Ngã để loại trừ Pháp, đã không có Ngã thì không có Ngã sở, cho nên Pháp-Ngã vô ngại. Văn có sáu cặp: 1- Không khởi lên Tưởng tăng-giảm đối với Thể của pháp; 2- Lìa xa Tưởng về ba đời đối với thời gian của pháp; 3- Lìa xa Tưởng về lưu chuyển đối với phần vị; 4- Lìa xa Tưởng về Đoạn-Thường đối với nghĩa của pháp; 5- Lìa xa Tưởng về nơi nương tựa đối với ảnh tượng; 6- Loại bỏ Tưởng về tâm-không phải tâm đối với nguồn gốc của pháp.

Từ “Vô tri sở dĩ...” trở xuống là kinh tự giải thích, nay lại sơ lược trình bày: Cặp 1 là tổng quát. Nói không có Tưởng về có, bởi vì có tức là Không, hai Không một vị như nhau cho nên không có sai biệt. Nói không có Tưởng về không có, là có năm ý: Một- Dùng Sự để ví dụ, không có pháp lọt vào tâm mắt hãy còn không sinh Tưởng, không có pháp-không có chúng sinh thì lẽ nào có thể nghĩ đến hay sao? Hai-Tưởng vốn không có đến-đi, nghĩa là có vốn tự nhiên không có, không phải là có đi-không có đến, tức là bởi vì nghĩa này thì không có gì đáng để không có, cho nên không có Tưởng về không có. Ba- Có tức là không phải có, không thể nói đó là có, huống hồ có thể nói là không có, thì đoạn dứt lộ trình của ngôn ngữ-suy nghĩ. Bốn- Giả không phải là có, bởi vì loại bỏ có, không phải nói là có đối với không phải có, cho nên lại loại trừ điều đó. Năm- Bởi vì Lý là pháp Vô ngã, không phải là đoạn dứt không có, chắc chắn không ngăn ngại có cho nên không có gì không có. Vì vậy văn sau giải thích rằng: Không phải có-không phải là không phải có, có và không có đã vắng lặng, thì cả hai và cả hai không phải, lẽ nào là có dựa vào hay sao? Những cặp còn lại dựa ví dụ biết được. Cặp sau cùng là tổng quát kết luận về Tưởng có-không có... trước

đây, toàn bộ gọi là Tướng, tất cả đều bật dứt thì gọi là không có Tướng, dựa vào không phải Tướng để loại bỏ Tướng, không phải là có-không phải là Tướng cho nên nói là không phải là không phải Tướng. Nghĩa còn lại ví dụ biết được.

Mục b là hiển bày về thành tựu Hạnh, văn có năm cặp: Cặp 1 là tổng quát, bởi vì bật dứt Tướng về Ngã-Pháp như vậy, cho nên không có trói buộc-cởi bỏ, nghĩa là không phải Tướng cho nên không phải trói buộc, không phải là không phải Tướng cho nên không phải cởi bỏ. Bốn cặp sau là riêng biệt: Cặp một chỉ nói về trói buộc, chỉ là sự khác nhau của nhân quả, bởi vì không có Tác giả và Thọ giả. Cặp hai là cùng hiển bày về trói buộc-cởi bỏ, bởi vì không có Tướng về có-không có..., tức là hiển bày về nghiệp có phân biệt và nghiệp không có phân biệt trên đây, cho nên cả hai đều bật dứt. Cặp ba là cùng hiển bày về hành của hai nghiệp đều là hành của tư duy, sau là đã tư duy. Cặp bốn cũng là cùng trình bày về trói buộc-cởi bỏ, tức là chỗ dựa của tư duy, Vương có tâm thì sinh tử dậy sóng, không có tâm thì giống với ngoại đạo. Lại lấy không có tâm làm đúng, thì chưa tránh khỏi rơi vào có, cho nên đều là sai trái.

Mục 2 là tiếp xúc với cảnh mà lìa xa cấu nhiễm cho nên không có trói buộc-cởi bỏ, văn phân làm ba: a- Trình bày về không có đấm theo (Vô trước); b- Phân rõ về không trói buộc; c- Trình bày về không cởi bỏ. Tâm nhiễm theo cảnh cho nên gọi là đấm theo (Trước), bởi vì cảnh ràng buộc tâm cho nên gọi là trói buộc (Phược), kinh Lăng Già nói: “Tâm ràng buộc vào nơi cảnh giới, Trí hiểu rõ về Tướng chuyển theo.” Chính là nói đến điều này. Lìa xa đối với tâm-cảnh, cho nên gọi là cởi bỏ.

Trong mục a là không có đấm theo: Đầu là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, nghĩa là bên trong không có nhớ nghĩ, lúc hồi hương thì tâm không hề nhiễm đấm đối với các cảnh. Văn có mười sáu câu: Trước là mười câu-năm cặp, hiển bày về Giới-Xứ vốn Không cho nên không nhiễm đấm, bên trong gọi là sáu Nhập, bên ngoài gọi là sáu Trần. Tiếp là một cặp bao gồm cặp trước tức là mười tám Giới, chủ động duyên vào là Thức, thụ động duyên vào thì bao gồm bên trong-bên ngoài. Nhân-quả làm một cặp, tức là Giới-Xứ làm duyên mà sinh ra pháp, pháp và không phải pháp là tổng quát hiển bày về các pháp, bao gồm ba nghĩa của pháp: Một là có-không có, hai là thiện-ác, ba là tánh-tướng, đã phân rõ như trên. Sau cùng là một cặp riêng biệt nói về tánh-tướng thuộc Thể của nghiệp. Sau là sáu câu hiển bày không đấm theo Uẩn, trong kinh Đại Bát Nhã nói: “Quán sát về Sắc... có ba: Một là

tướng, hai là sinh diệt, ba là không có sinh diệt.” Nay không đấm theo hai loại trước, tức là hợp với không có sinh diệt; không đấm theo Sắc, tức là tướng của Sắc; nhận biết Sắc là do duyên mà thành, vốn như bọt nước tụ lại; không đấm theo sinh diệt, bởi vì sinh không có nơi đến, diệt không có nơi đi; dựa vào đây thì tiến vào Lý không có sinh diệt. Bốn Uẩn sau chỉ là tướng có khác nhau. Hai loại còn lại (sinh diệt-không có sinh diệt) đều giống nhau. Đã loại bỏ ba khoa thì không có gì sót lại.

Mục b từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về không trói buộc. Trói buộc-đấm theo tuy khác mà nghĩa không ra ngoài phần đã nói ở trước.

Mục c từ “Nhược năng...” trở xuống là trình bày về không cởi bỏ. Nếu ban đầu không có trói buộc thì ai mong cầu cởi bỏ? Lìa xa trói buộc giữ lấy cởi bỏ, thì chưa tránh khỏi rơi vào trói buộc, cho nên lại loại bỏ điều đó. Loại bỏ điều đó lại loại bỏ cho đến không có loại bỏ, nếu như không có nương nhờ thì Lý tự nhiên thông hiểu sâu xa rồi.

Trong mục ba là đưa ra giải thích: Trước đưa ra ý nói rằng: Nếu như Ngã là giả lập thì Thể của pháp không phải không có, nay không có nghĩ đến-đấm theo thì nguyên cơ ấy thế nào? Sau giải thích, ý nói rằng pháp tánh vốn như vậy. Văn phân hai: 1- Tổng quát hiển bày về Thể của pháp lìa tướng; 2- Từ “Phi nhất...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về tướng đã lìa xa.

Mục 1: Trước là hiển bày về Thể của pháp. Không có sinh cho nên không thể nào giữ lấy-đấm theo (Thủ trước), tức là nghĩa thứ ba trong Bát-nhã. Ba đời cầu sinh mà không thể có được. Từ không có mà có, cho nên gọi là sinh. Đã sinh-đã có thì không thể gọi là sinh, như mẹ đã có mà không gọi là sinh, cho nên chưa sinh-chưa có cũng không gọi là sinh. Nếu chưa sinh gọi là sinh, thì Chúng sinh và Bồ-đề phải gọi là sinh, các pháp chưa sinh đều phải gọi là sinh. Pháp của hiện tại thì sát-na không dừng lại, luôn luôn thuộc về quá khứ-vị lai, tách rời quá khứ-vị lai vốn không có hiện tại riêng biệt, vì Lý của sinh vốn không ra ngoài ba đời. Ba đời đã không có thì sinh sẽ dựa vào đâu? Đã không có sinh thì cũng không có diệt. Không có sinh-không có diệt, thì không có cảnh để có thể giữ lấy, vậy thì chấp trước ở đâu?

Tiếp là thuận theo hỏi rằng: Sinh là tướng thuộc chủ động sinh, có thể cho phép mở rộng về không có tướng thụ động, thì Thể của pháp lẽ nào thuận theo không phải là có? Vì vậy lại giải thích rằng: Tự tướng của tất cả các pháp như vậy, tách ra ngoài sinh diệt thì Thể của pháp hữu vi vốn không thể có được, từ duyên mà sinh cho nên tướng tức là

Vô tướng, sinh tức là Vô sinh. Đây là hiển bày về tướng Không.

Tiếp là thuận theo hỏi rằng: Pháp từ duyên sinh thì tướng có thể lọt vào tầm mắt, vì sao nói là không có? Vì vậy lại giải thích rằng:

Từ duyên mà sinh cho nên không có tự tánh. Đây là hiển bày về tánh Không. Tự tánh lìa xa nhau là cùng kết luận về hai phần trên. Lại hiển bày về pháp vốn tự lìa xa, không phải là mở rộng mà khiến cho lìa xa.

Mục 2 là riêng biệt làm sáng tỏ về tướng đã lìa xa: Trên đây chỉ nói là lìa xa, vì lìa xa tướng nào gọi là một-hai...? Văn có mười cặp: Hai cặp đầu là dựa theo Số. Hai cặp tiếp là dựa theo Lượng, ngoài hướng đến luận về lớn-nhỏ, trong hướng đến luận về rộng-hẹp. Hai cặp tiếp là dựa theo Lý-Trí, cạn-sâu dựa theo Sự-Lý, luận về vắng lặng là nói đến Thức-Trí. Hai cặp tiếp là dựa theo Giáo-Pháp, Xứ-Phi xứ là Tà giáo-Chánh giáo đối lập với nhau, Pháp-Phi pháp là thiện-ác đối lập với nhau. Hai cặp sau là dựa theo Thể-Tướng, cặp đầu dựa theo Thể, Thể của Sắc-Tâm vốn không thể có được, tách ra ngoài Sắc-Tâm thì pháp không phải là Thể, vốn cũng không thể có được; cặp sau dựa theo Tướng, bởi vì Tướng của pháp không ra ngoài có-không có, giả sử không phải có-không phải không có, nếu có tướng này thì cũng không ra ngoài có, nếu không có tướng này thì cũng không ra ngoài không có, chỉ loại bỏ có-không có, vạn pháp này vắng lặng, bởi vì lìa xa tánh-tướng, cho nên tiếp xúc với pháp thì không thích hợp.

Phần sau từ “Bồ-tát như thị quán sát...” trở xuống là không ngăn ngại Tùy tướng. Phàm tình bởi vì cố chấp che kín, cho nên tiếp xúc với ngôn từ sinh ra vướng mắc, nghe đến Ly tướng thì cho là trái với Tùy tướng đã nói trước đây, mà làm mất đi Hạnh của nghiệp quả Bồ-đề. Ở đây tóm lược vì cùng thông hiểu về hai văn, nói đến Tùy tướng là dựa theo Thế tục mà nói, nói đến Ly tướng là dựa theo Thắng nghĩa mà nói. Chư Phật dựa vào hai Đế, vì chúng sinh mà thuyết pháp, là nói đến điều này.

Nhưng Tục là Chân, Tục thì không hủy hoại Giả danh mà nói đến Thật tướng, cho nên nói là quán sát các pháp tức là phi pháp; Chân là Tục, Chân cho nên không rời khỏi Chân tế mà kiến lập các pháp, vì vậy nói là ở trong ngôn ngữ tùy thuận thế gian kiến lập Phi pháp làm pháp. Bởi vì kiến lập, cho nên không đoạn các nghiệp đạo, thì không hủy hoại thế gian.

Từ “Bất xả...” trở xuống là không hủy hoại nhân quả xuất thế gian.

Từ “Liễu tri...” trở xuống là trở lại giải thích về quán sát các pháp

tức là phi pháp: Đầu là hiểu rõ Tục tức Chân mà không hủy hoại Tục, nghĩa là Y tha-nghiệp duyên... đều như mộng huyễn, bởi vì không có gì chân thật; Tục tức là Chân, bởi vì ngay nơi Tục mà Chân, cho nên không hủy hoại nhân quả; xưa nay tự nhiên Chân, vốn không nhờ vào hủy hoại. Có thể hiểu rõ về nghiệp, Dụng ấy rất rộng lớn, nghĩa là nghiệp tuy như huyễn, nhưng một niệm ác huyễn thì nhiều kiếp trầm luân, một niệm thiện huyễn thì xa bước lên quả Phật, cho nên nói là rộng lớn. Tiếp từ “Giải nhất thiết...” trở xuống trình bày về hiểu rõ Tục tức là Chân mà không ngăn ngại tu Chân. Chân đạo Vô tác hãy còn cần phải tu hành, bởi vì nếu không tu hành thì không hợp với Chân, hướng hồ không hủy hoại Tục thì lẽ nào không có tu chứng hay sao? Tùy tướng-Ly tướng dựa theo đây nên biết, hai loại này không có ngăn ngại, cho nên khác với phàm phu-Tiểu thừa.

Phần c: Từ “Phật tử, thử Bồ-tát Ma-ha-tát trú nhất thiết...” trở xuống là giải thích về tên gọi Hồi hương, văn phân làm hai: Trước là tổng quát giải thích; sau từ “Dĩ hà...” trở xuống là riêng biệt giải thích.

Phần trước: Trú trong Nhất thiết trí, là thiện căn của mình, bởi vì dựa vào đây có thể thành tựu các nghĩa sau. Từ “Nhược xứ...” trở xuống là giải thích về nghĩa của tùy thuận bình đẳng: Nếu dựa theo Đối cảnh thì Xứ tức là thiện, Phi xứ là ác. Nếu dựa theo Tự hành thì Xứ tức là Tùy tướng, Phi xứ tức là Ly tướng. Xứ và Phi xứ tuy khác nhau mà đều hướng về tánh của Trí, ở tất cả mọi nơi thấy đều hồi hương, là nghĩa về tùy thuận tất cả thiện căn. Hồi hương về Trí tánh là nghĩa của Hồi hương, không có thói chuyển là nghĩa của Kiên cố. Vả lại, hướng về Trí tánh cũng là Kiên cố.

Trong phần sau là riêng biệt giải thích, có ba mục: Một- Giải thiết đưa ra để giải thích về nghĩa Hồi hương; Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là giải thích về nghĩa Tùy thuận; Ba- Từ “Hựu Phật tử...” trở xuống là giải thích về nghĩa Kiên cố của tất cả thiện căn.

Mục một: Nhưng tên gọi của Tùy tướng, là dùng tâm kiên cố tu tập các thiện hạnh, đều nguyện cho chúng sinh hướng về quả Bồ-đề, không nói mà tự nhiên hiển bày, tiếp nhận tên gọi Ly tướng nếu không giải thích thì không nhận biết. Vì lẽ đó chỉ trình bày về Ly tướng, cho nên đưa ra nói rằng: Trong Ly tướng không có chủ động-thụ động khác nhau.

Từ “Dĩ hà nghĩa cố thuyết danh hồi hương...” trở xuống là nghĩa về Tùy thuận..., dựa theo đây có thể biết. Sơ lược hiển bày về mười nghĩa, tuy là một Ly tướng mà có thể thành tựu hồi hương, nghĩa là chỉ

có thể Ly tướng thuận theo Nhất thiết trí, thì tự mình vượt qua thế gian, cùng đến bờ giải thoát, lẽ nào không phải là nghĩa của Hồi hướng hay sao?

Mười nghĩa: 1- Vượt qua tám pháp thế gian, đến bến bờ của Bất động. 2- Vượt qua Ngã-Ngã sở, đến bến bờ của Giải thoát. 3- Lìa xa Tâm-Tứ, đến bến bờ của Thật tế. 4- Diệt hết các Tướng, đến bến bờ của Thật trí. 5- Lìa xa gốc rễ phiền não, đến bến bờ của Hữu dư. 6- Lìa xa thân dựa vào khổ, đến bến bờ của Vô dư. 7- Ra khỏi tất cả các nghiệp, đến bến bờ của Bồ thí bình đẳng. 8- Ra khỏi ba cõi, đến bến bờ của Niết-bàn Vô dư. 9- Dứt sạch hữu lậu, đến bến bờ của Pháp thân. 10- Ra khỏi kiến chấp về Sinh-Trú-Diệt, đến bến bờ của Thánh Trí tự giác.

Mục hai là giải thích về Tùy thuận: Nhưng hai mục dưới đây bao gồm hiển bày về tướng của lợi ích, chính là giải thích về tên gọi, cũng thuận theo đưa ra rằng: Ở trong Thật tế, cái gì là chủ động tùy thuận, cái gì là thụ động tùy thuận? Vì vậy ở đây giải thích rằng: Chỉ có thể hồi hướng Ly tướng như vậy, thì Trí... tự nhiên tùy thuận với pháp của Phật, bởi vì pháp của Phật đều lấy Thật làm Thể.

Mục ba là giải thích về nghĩa Kiên cố của tất cả thiện căn, cũng kết hợp đưa ra rằng: Thật tế không phải là tướng, vì sao gọi là kiên cố; Thật tế không có sai biệt, vì sao gọi là tất cả? Ở đây giải thích, ý nói rằng: Hồi hướng Ly tướng như vậy mới gọi là kiên cố, bởi vì hễ là có tướng thì có thể bị phá hoại, cho nên chỉ có thể Ly tướng thì tự nhiên thành tựu các pháp thiện, mà các pháp thiện đều dùng Thật tế để làm Thể. Trong đó: 1- Không hiểu rõ về pháp Vô tướng, cho nên không gọi là hiểu rõ. 2- Phật dùng pháp làm thân, cho nên tâm hướng về với pháp là phụng sự Phật. 3- Nếu thân nương theo phụng sự thì có phụng sự và không phụng sự, nếu phụng sự đối với Lý thì một phụng sự là tất cả phụng sự, cho nên Phật không có hai Thể. 4- Như lý tu hành vốn là chân thật cứng dường. 5- Tướng tức là Vô tướng, không cần phải hoại diệt. 6- Tất cả đều là Vô tướng, không thể nào trái ngược nhau. 7-8 là nhiệm và tịnh đều trống rỗng, không có tham đắm-không có chán ngán. 9- Thường trú thế gian cho nên không có gì hoại diệt, tùy duyên khởi diệt cho nên không trái với nhân duyên. 10- Đến cùng nguồn gốc này thì pháp lực mới đầy đủ, lại bởi vì không có ngăn ngại cho nên gọi là đầy đủ.

Phần ba: Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi, có thể biết.

Phần sau từ “Bồ-tát Ma-ha-tát trú thủ hồi hướng thời...” trở xuống

là trình bày về Quả thuộc phần vị, Tùy tướng-Ly tướng không hai cho nên cảm đến mười quả này.

Phần kệ tụng:

Trước là nói về nhân duyên, có mười hai câu: Một câu đầu là tổng quát phân rõ về nghi thức, một câu sau là tổng quát trình bày về nơi nương tựa, văn trước đã giải thích nhiều. Mười câu ở giữa là riêng biệt hiển bày về hai nghĩa:

Đầu là hai câu trình bày về nghi thức, câu trước là quán sát về nơi đã che phủ, câu sau là thấu suốt về Sự-Lý. Trước nói về quán sát là bao gồm tâm và mắt.

Sau là phân rõ về nơi nương tựa: Câu một là dựa vào căn bản của Giáo-Trí; ba câu sau là dựa vào tâm rộng lớn, câu đầu là tổng quát, câu tiếp nói về Đại Bi che phủ khắp nơi tức là tâm rộng khắp nói trên, câu sau nói về nuôi lớn chủng tánh Phật tức là tâm to lớn trước đây.

Tiếp là hai câu dựa vào đức của quả nói trên, câu trước là dựa vào đức để thuyết giảng, câu sau là dựa vào thân để thuyết giảng.

Tiếp là hai câu dựa vào Quyền Trí, quán sát về niềm vui-quán sát về thích hợp.

Sau cuối là một câu dựa vào Thể khởi Dụng.

Sau là chính thức hiển bày kệ tụng, có bốn mươi một kệ phân làm ba: 1- Có năm kệ, tụng về thân là nơi nương tựa của Hạnh; 2- Từ “Ấm thực...” trở xuống có ba mươi kệ rưỡi, tụng về dựa vào thân để khởi Hạnh; 3- Từ “Tùy thuận...” trở xuống có năm kệ rưỡi, tụng về nghĩa Tùy thuận... trong phần giải thích tên gọi, bao gồm tụng về Quả của phần vị.

Trong phần 2 có ba mươi kệ rưỡi, phân hai:

Một: Có mười chín kệ, tụng về Hồi hướng Tùy tướng, trong đó: Một kệ đầu là tụng về phần nêu lên, ba kệ sau là tụng về phần kết luận, mười lăm kệ giữa đều tụng về phần mở rộng hiển bày. Hai văn nêu lên và mở rộng hiển bày phỏng theo tóm lược không đầy đủ.

Hai: Từ “Bồ-tát quán sát...” trở xuống có mười một kệ rưỡi, tụng về Hồi hướng Ly tướng, văn phân bốn tiết riêng biệt:

Tiết một có năm kệ, tụng về phần bên trong bật dứt nhớ nghĩ, trong đó: Câu đầu là tổng quát hiển bày về Lực quán sát, câu tiếp là nói về Nhân Không, còn lại đều nói về Pháp Không. Nhận biết Bồ-đề..., tánh Bồ-đề thanh tịnh không ngại thuận theo duyên, pháp thanh tịnh làm duyên mà có Bồ-đề khởi lên, khởi lên tức là Vô tánh mà không trái với pháp giới, là Tánh Khởi Bồ-đề. Nếu nghiệp dựa vào thân mà có thì

không do tâm, nếu trú trong tâm thì có tâm đều là nghiệp. Đã thừa nhận có tâm-không có nghiệp, là nghiệp nhờ vào duyên mà sinh thì tánh ấy lẽ nào có hay sao?

Tiết hai từ “Bồ-tát dĩ chí...” trở xuống có hai kệ, tụng về phần tiếp xúc với cảnh mà lìa xa nhiễm đắm, bởi vì đến bến bờ không thể nào có được (Bất khả đắc), cho nên không có gì đắm theo.

Tiết ba có hai kệ, tụng về phần đưa ra giải thích trước đây.

Tiết bốn có hai kệ rưỡi, tụng về Ly tướng không trở ngại Tỳ tướng. Còn lại có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 29 trong kinh).

Thứ bảy: Đăng Tỳ Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hưởng.

Trong phần trường hàng cũng có hai phần: Đầu là Hạnh thuộc phần vị; sau là Quả thuộc phần vị.

Phần đầu là Hạnh thuộc phần vị, cũng có ba: Một- Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi; Hai- Dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích; Ba- Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi.

Phần một: Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi, nghĩa là bởi vì tâm bình đẳng với thiện căn cho nên thuận theo làm lợi ích. Đẳng tức là bình đẳng bao gồm chủ động và thụ động, thụ động thuận theo chúng sinh Vô tướng bình đẳng, chủ động tùy thuận Tâm-Trí soi chiếu bình đẳng. Đây là từ Hồi hưởng mà tiếp nhận tên gọi, bởi vì bình đẳng tức là tùy thuận.

Kinh Bốn Nghiệp nói: “Bởi vì quán sát cha mẹ thiện-ác không hai, là một tướng thuộc về một hợp tướng, cho nên gọi là Hồi hưởng tùy thuận quán sát tất cả chúng sinh.”

Tên gọi không có chữ Đẳng, nhưng giải thích có nghĩa của Đẳng. Có nơi nói rằng: “Thiện ác tức là oán-thân, hai loại này bình đẳng cùng sinh ra Pháp thân, đều gọi là cha mẹ. Thuận theo nói cha mẹ thiện là Phương tiện Bát-nhã, cha mẹ ác là Vô minh-Tham ái. Không diệt Si-Ái mà khởi Minh-Giải thoát, cho nên không có hai tướng. Trí hợp với không hai, gọi là một hợp tướng, tức dùng thiện căn như Vô tham... mà làm tánh của Hồi hưởng.”

Trong phần hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, có hai: 1- Trình bày về hồi hưởng; 2- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành như thị hồi hưởng chi thời...” trở xuống là phân rõ về lợi ích đã thành tựu.

Trong phần 1 cũng có hai: a- Phân rõ về thiện căn đã hồi hưởng; b- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ tịnh chí...” trở xuống là thấu nhiếp

để hồi hương.

Trong phần a lại có hai: Trước là chính thức tu tập thiện căn; sau từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát ư thử thiện...” trở xuống là nhờ vào tu tập thành tựu công đức. Cũng có thể trước là Thể của Hạnh, sau là trình bày về Dụng của Hạnh.

Trong phần trước có ba mươi một câu, phân làm ba mục: Đầu là mười một câu trình bày về phạm vi giới hạn của thiện căn; tiếp là mười câu về duyên làm chỗ dựa của thiện căn; sau là mười câu về Thể tánh của thiện căn.

Nhưng mười một câu đầu thì mỗi một câu thuận theo tất cả mười câu giữa, mười câu giữa thì mỗi một câu có thể phát sinh mười câu sau, mười câu sau thì mỗi một câu tiếp nhận đầy đủ mười một câu trước, mười một câu trước thì mỗi một câu đầy đủ hai mươi câu sau, suy nghĩ điều ấy tự nhiên rõ ràng.

Mục đầu có mười một câu, tức là số tăng lên của mười, trong đó:

Ba câu đầu dựa theo phần lượng, như tâm bố thí nhỏ gọi là thiện nhỏ, bố thí vì Bồ-đề thì gọi là lớn, bố thí vì Lợi tha thì gọi là rộng, chín Độ còn lại dựa theo đây có thể biết. Lại thuận theo cảnh giới Phật mà sinh tâm bố thí đã có nhỏ-lớn-rộng này, thì thuận theo chín cảnh giới mà sinh tâm cũng có nhỏ-lớn-rộng. Như bố thí đã như vậy, thì chín Độ còn lại cũng như vậy. Ba câu này đã như vậy, thì tám câu sau dựa theo đây biết rõ.

Ba câu tiếp dựa theo chủng loại, nghĩa là có chủng loại của nhiều sắc chất, cho đến vô lượng vô số chủng loại không giống nhau, chưa đến Vô lượng nhưng có thể gọi là nhiều, câu ba-câu năm hướng về với nhau cũng gọi là đủ loại.

Năm câu sau dựa theo số lượng trình bày về nhiều, trong đó hai câu sau cũng hiển bày về rất sâu xa khó nghĩ bàn, gần như không có phần lượng.

Mục tiếp từ “Phật cảnh...” trở xuống là trong mười câu giữa, trong đó:

Năm câu trước làm cảnh duyên vào, bốn câu đầu là cảnh của Trí, một câu sau là cảnh của Bi.

Năm câu sau là cảnh thành tựu về tu tập: Đầu là một câu về Trí chủ động tu tập, tiếp là một câu về Tâm chủ động tu tập, tiếp là hai câu về cảnh đã quán sát, sau là một câu về pháp đã tu tập, bởi vì nhìn thấy pháp này cho nên có thể khởi lên mười Độ.

Mục sau từ “Cần tu...” trở xuống là trong mười câu sau: Bảy câu

trước có thể biết, câu tám là tâm nguyện tích lũy công đức, câu chín là dùng lực của Niệm để luyện tập thực hành-dùng lực của Biện để thuyết pháp mà làm Hạnh của nghiệp, câu mười là nhờ vào Trí tự tại cho nên có thể che chở nuôi dưỡng.

Trong phần sau là nhờ vào tu tập thành tựu công đức, có hai mục: Một- Nhắc lại pháp đã tu tập; Hai- Hiện bày về thành tựu công đức.

Mục một, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1- Trú vào tác ý; 2- Gia hạnh để hưởng đến tiến vào; 3- Thân nhiếp Hạnh thuộc về mình; 4- Tích tập dần dần thành nhiều; 5- Nhờ vào duyên cung cấp giúp đỡ; 6- Soi chiếu về Sự-Lý ấy; 7- Chướng ngại phiền não không sinh khởi. Bảy câu trên đây là tự mình tu tập. Hai câu sau là chuyển vận giáo pháp, câu 8 là bắt đầu biểu hiện chỉ ra rõ ràng, câu 9 là khuyến khích thực hành như thuyết. Hễ tu một pháp thiện thì có đủ mười loại này.

Mục hai từ “Đắc kham nhẫn...” trở xuống là chính thức hiện bày về thành tựu công đức, văn phân làm hai: 1- Thành tựu về đức thuộc Tự lợi; 2- Từ “Vị chư chúng sinh...” trở xuống là thành tựu về đức thuộc Lợi tha.

Trong mục 1 có mười cặp đều hàm chứa nhân quả: 1- Đạt được Nhẫn, dừng điều ác; 2- Thân nhiếp căn, đầy đủ giới; 3- Lìa xa điên đảo, thực hành đúng đắn; 4- Trên thì tiếp nhận, dưới thì cung cấp; 5- Chư Phật che chở, pháp thiện tăng thêm; 6- Trú vào nguyện, khởi lên nghiệp; 7- Tâm giống như chư Phật, Hạnh đến nơi đạo tràng; 8- Tâm bên trong hòa vào Phật lực, tướng bên ngoài siêu việt thế gian; 9- Không vui với quả báo tương lai, không tham đắm niềm vui hiện tại; 10- Không đắm theo các Hạnh mà tu theo hồi hướng. Ở đây tuy có nói đến hồi hướng, mà ý chọn lấy thiện căn đã hồi hướng. Trong mười cặp thì tám cặp trước là thành tựu về đức, hai cặp sau là lìa xa lỗi lầm, cặp 9 là lìa xa lỗi lầm của phàm phu, cặp mười là lìa xa lỗi lầm của Tiểu thừa.

Trong mục 2 là đức thuộc Lợi tha: a- Tổng quát trình bày, Bi-Trí cùng vận dụng là đạo cứu cánh; b- Từ “Ư hư vọng...” trở xuống là riêng biệt hiện bày, lại đều dễ dàng biết rõ; c- Từ “Thường cần tu...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần b là thân nhiếp để hồi hướng, có hai: Trước là nghĩ đến tu tập thiện căn lúc đầu nhờ vào pháp mà thuận theo hồi hướng; sau từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức đem hồi hướng.

Phần trước: Một- Kinh nói về lúc nghĩ đến. Hai- Từ “Thử chư...” trở xuống là chính thức trình bày về điều đã nghĩ đến: Đầu là năm câu, tổng quát hiển bày về các thiện căn dựa vào tâm Bồ-đề, tích tập đa văn, tư duy nghĩa lý, phát khởi tu tập thực hành, chí nguyện vui thích không chán, chỉ có sâu xa-chỉ có rộng lớn; từ “Giai vi...” trở xuống có ba câu hiển bày về tâm Bồ-đề là nghĩa của ba Hồi hướng, Chứng trí chứng được Thật tế tức là Bồ-đề, là ba tâm Hồi hướng về ba nơi. Ba- Từ “Tác thị...” trở xuống là kết luận.

Trong phần sau là chính thức đem hồi hướng, văn phân làm ba mục riêng biệt: Một- Hồi hướng Chúng sinh và Hồi hướng Bồ-đề; Hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời bất trước nghiệp...” trở xuống là trình bày về Hồi hướng Thật tế; Ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ thử thiện căn phổ thí thế gian...” trở xuống là tổng quát kết luận về ba loại Hồi hướng.

Mục một, phân hai: 1- Hồi hướng thiện căn tu tập của mình, nguyện thành tựu vật dụng tiến của để bố thí chúng sinh; 2- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ sở tập thiện căn ư niệm niệm...” trở xuống là tiếp tục hồi hướng Hạnh bố thí này, nguyện khiến cho chúng sinh đầy đủ Tài-Pháp.

Mục 1 cũng có hai: a- Tổng quát hiển bày về kỳ hạn chủ yếu; b- Từ “Nguyện linh...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về Hạnh bố thí.

Mục a, sở dĩ chỉ nguyện thành tựu về Hạnh bố thí: Một là tự mình đầy đủ duyên của Hạnh, cho nên nói là tu hạnh Bồ-tát; hai là làm lợi ích chúng sinh hiện tại, cho nên nói là bố thí cho tất cả; ba là bố thí làm Hạnh đứng đầu, nêu ra một Hạnh ví dụ cho bốn Hạnh còn lại, bởi vì một Hạnh bố thí này đầy đủ tất cả các Hạnh.

Trong mục b là riêng biệt làm sáng tỏ về Hạnh bố thí: Trước là Nguyện thành tựu bố thí bên ngoài; sau từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là Nguyện thành tựu bố thí bên trong, dùng Hữu tình-Vô tình mà làm bên trong-bên ngoài.

Mục trước, phân bốn tiết:

Một: Hiển bày về bố thí rộng lớn, bởi vì đều là Tăng-kỳ.

Hai: Từ “Giả sử...” trở xuống là phân rõ về bố thí Vô hạn, bởi vì thời gian dài-ruộng nhiều, tùy theo mong cầu không có gì chán bỏ.

Ba: Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về bố thí thù thắng, bởi vì lìa xa lỗi lầm thuận với hiện tại, vẫn có mười câu: Năm câu trước là lìa xa lỗi lầm, bởi vì hồi tiếc mãi không thôi thì sinh ra bức rức phiền

muộn; năm câu sau là thuận với Lý, hai câu đầu là Đại Trí, ba câu sau là Đại Bi.

Bốn: Từ “Hựu Phật tử...” trở xuống là kết luận thành tựu về hai Hạnh, đó là nhờ vào Hạnh hồi hướng mà thành tựu Hạnh bố thí.

Mục sau là bố thí bên trong, văn có bốn tiết:

Một: Đối với một thửa ruộng để hiển bày về bố thí rộng lớn, nghĩa là một chúng sinh đã nhiều sự bố thí, cho nên đều là Tăng-kỳ.

Hai: Từ “Bồ-tát...” trở xuống là dùng một ví dụ cho còn lại để làm sáng tỏ về bố thí Vô hạn: Trước là nêu ra con người ví dụ cho con người; sau từ “Phật tử...” trở xuống là nêu ra nơi chốn ví dụ cho nơi chốn, thu nhận tổng quát về nghĩa ấy có sáu loại Vô hạn: Một là đồ vật, hai là thời gian, ba là tâm, bốn là thửa ruộng, năm là bố thí, sáu là nơi chốn.

Ba: Từ “Đại Bi...” trở xuống là kết luận thành tựu về việc đã làm đầy đủ sáu loại Vô hạn: 1- Nơi chốn rộng khắp pháp giới mà che phủ tất cả; 2- Thời gian tận cùng vị lai mà không có dừng nghỉ; 3- Thửa ruộng tận cùng chúng sinh giới mà tăng thêm thương xót; 4- Bố thí tùy theo những mong cầu xin mà đầy đủ; 5- Vật dụng đầy đủ các loại mà thực hành không nghỉ; 6- Tâm trú trong Đại thí mà không hề mỏi mệt.

Bốn: Từ “Phật tử...” trở xuống là hiển bày về bố thí thù thắng, lìa xa lỗi lầm, thành tựu công đức, có hai mươi tâm: Đầu là một câu nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; sau từ “Sở vị...” trở xuống là chính thức hiển bày về mười chín tâm: 1- Không nhiễm đắm với Hạnh bố thí; 2- Không ràng buộc vì bố thí; 3- Bởi vì ngăn chặn hai loại trước cho nên được giải thoát; 4- Duyên trái ngược không nghiêng ngã; 5- Đạt đến Lý rất sâu xa; 6- Khéo léo thâm nhiếp Vô tướng. Sáu tâm trên đây đều là Phương tiện khéo léo thù thắng. Tiếp là năm tâm về Thanh tịnh thù thắng: Câu đầu là tổng quát, tổng quát về không có hai chấp. Bốn câu sau là riêng biệt: Câu đầu là không có chấp Ngã, ba câu còn lại là không có chấp Pháp: 1- Bởi vì không giữ lấy tướng của pháp; 2- Bởi vì hiểu rõ chỉ là tánh của tâm; 3- Bởi vì thấy rõ tánh Không. Tiếp có ba tâm, tức là An trú thù thắng: Câu đầu là tổng quát, chủng tánh của Bồ-tát tu tập đầy đủ vạn hạnh, cho nên đều đáng quý trọng; hai tâm còn lại là riêng biệt, bởi vì không có tỳ vết mà sáng ngời. Tiếp có hai tâm, tức là Hồi hướng thù thắng, khéo léo quyết định các nghĩa, cho nên đầy đủ ba loại Hồi hướng. Tiếp có một tâm, tức là Ý thích thù thắng, bởi vì thương xót tất cả. Hai tâm sau cuối là Nương tựa thù thắng, bởi vì dựa vào tâm Bồ-đề, câu trước là nhân, câu sau là quả.

Trên đây hiển bày về rộng lớn vô hạn trong bố thí, tức là Sự nghiệp

thù thắng, đầy đủ bảy loại thù thắng nói trên thì thành tựu Hạnh Bồ thí Ba-la-mật (Đàn độ).

Trong mục 2, hồi hướng Hạnh bồ thí này, nguyện khiến cho chúng sinh đầy đủ Tài-Pháp, văn phân làm ba: a- Hồi hướng Từ Bi; b- Từ “Hựu khuyến chúng sinh...” trở xuống là Hồi hướng để khuyến khích chúng sinh; c- Từ “Hựu dĩ chư thiện như thị hồi hướng...” trở xuống là Hồi hướng cứu cánh.

Mục a, phân ba tiết: Một- Chính thức trình bày về Hồi hướng; Hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời phát hoan hỷ tâm...” trở xuống là trình bày về Hồi hướng những việc đã làm; Ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị bi mãn...” trở xuống là kết luận về thành tựu lợi ích của hồi hướng.

Tiết một: Trước là tổng quát nêu lên; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười Nguyện, một Nguyện đầu là tài sản giàu có bởi vì thuộc về Tài thí, còn lại đều đầy đủ Pháp thí, bởi vì nguồn gốc tích lũy điều thiện, ý văn hiển bày tổng quát.

Trong tiết hai là Hồi hướng những việc đã làm, có hai: Đầu là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; sau từ “Vị linh...” trở xuống là tùy theo nghĩa riêng biệt hiển bày. Toàn bộ có một trăm mười câu, văn phân làm hai: Bảy mươi hai câu trước, khiến cho thành tựu theo thứ tự (Hành bố) tu nhân đến quả; ba mươi tám câu sau, khiến cho thành tựu viên dung về nhân tròn vẹn-quả đầy đủ. Hai môn này Vô ngại là ý của Hồi hướng, cũng là phần trước thuộc về Tự phần, phần sau thuộc về Thắng tiến.

Trong bảy mươi hai câu trước là Tự phần, có sáu:

1) Có hai mươi một câu, là Hạnh khiến cho tu tập pháp thiện, hướng đến phần vị Hiền Thủ, nhưng chỉ trình bày về Hạnh bồ thí, cuối cùng nói thâm nhiếp Hạnh bồ thí thuộc Trí của Như Lai, là soi chiếu ba Luân đều Không, lìa xa các phân biệt, cho nên giống với Bồ-đề.

2) Từ “Vị linh nhất thiết thiện căn...” trở xuống có mười câu, nói về thành tựu tu hành trong phần vị Chứng Tánh.

3) Có mười câu, khiến cho thành tựu tu hành trong phần vị Giải-Hạnh. Câu thứ mười nói về Vô lượng, là bốn tâm Vô lượng (Tứ Đẳng).

4) Từ “Thành tựu thanh tịnh đẳng thí tâm...” trở xuống có mười câu, khiến cho thành tựu tu tập về mười Độ hạnh trong phần vị Thập Địa. Câu 7 nói đầy khắp pháp giới thanh tịnh vô biên, đây là bao gồm Sự-Lý, cho nên nói là Vô biên, là Phương tiện Độ. Câu 8 nói thành tựu đầy đủ Thần thông, tức là Đại Nguyện. Câu 9 nói trú trong bình đẳng

mới có thể gọi là Lực. Câu 10 nói tiến vào cảnh giới của Phật thì gọi là Trí viên mãn.

5) Có mười câu, khiến cho thành tựu tu hành trong phần vị Đăng Giác, cho nên đều có chữ rộng khắp (Phổ).

6) Từ “Cụ chư tướng hảo...” trở xuống có mười một câu, khiến cho thành tựu Hạnh trong phần vị của quả Phật.

Nói về sáu mươi loại âm thanh, Hồi hương thứ mười có mà không đầy đủ, đến văn sẽ biết. Kinh Mật Tích Lực Sĩ quyển thứ 2 trình bày đầy đủ.

Luận Trang Nghiêm cũng dẫn ra kinh này, mà nói đến Trăm ngàn loại pháp dùng để trang nghiêm, là phẩm Bát Tư Nghị Pháp nói rằng: Như Lai đầy đủ sáu mươi loại âm thanh, mỗi một âm thanh có năm trăm phần, mỗi một phần có vô lượng trăm ngàn âm thanh rất thanh tịnh dùng để trang nghiêm tốt đẹp... Tức là sự việc ấy.

Lại có nơi nói đến sáu mươi bốn loại âm thanh, bởi vì Thanh có tám Chuyển (Trầm bổng), gọi là Thể-Nghiệp-Cụ-Vi-Tùng-Thuộc-Y-Hô (Xem từ điển). Tám Chuyển Thanh này đều có đủ tám Đức, đó là: 1- Âm thanh điều hòa; 2- Âm thanh dịu dàng; 3- Âm thanh rõ ràng; 4- Âm thanh dễ hiểu; 5- Âm thanh không có nhầm lẫn; 6- Âm thanh không có thấp nhỏ; 7- Âm thanh rộng lớn; 8- Âm thanh sâu xa.

Tám Chuyển Thanh nhân với tám Đức thì có sáu mươi bốn loại. Loại thứ 4 nói là Vô tận Pháp Minh, Địa thứ tám nói: “Pháp Minh của Như Lai có Vô lượng Chuyển...” Loại thứ 10 nói là một trang nghiêm, bởi vì không có hai tướng, dùng một trang nghiêm mà trang nghiêm tất cả. Vô lượng trang nghiêm, là bởi vì rất nhiều sai biệt. Đại trang nghiêm, là bởi vì xứng với pháp giới, hoặc là Y báo hay là Chánh báo đều đầy đủ sự trang nghiêm này.

Trong phần sau từ “Tất năng vãng nghệ...” trở xuống là ba mươi tám câu thuộc về Thắng tiến, trình bày về Hạnh viên dung. Nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, trình bày về nghĩa có Phật trong từng phần vị. Nếu lấy từ đây trở xuống thuộc về quả Phật trước đây, thì khiến cho trong quả có tu hạnh Bồ-tát, gặp Thiện tri thức, sẽ trái với Chánh lý. Văn phân làm bốn:

1) Có mười câu, khiến cho chúng sinh đạt được nhân hạnh viên mãn đối với phần vị Chủng Tánh. Câu 4 nói Hạnh của nghiệp bất động đạt được quả vô ngại, là đối với khen-chê không lay động thì tiếp xúc với cảnh không có gì ngăn ngại. Có nơi nói nhân của Hạnh ấy có bốn: Một- Pháp thí dựa vào căn cơ; Hai- Nguyện không có chướng ngại;

Ba- Tâm Bi quên mình vì chúng sinh mà thọ sinh; Bốn- Tu theo Hạnh dung hòa trọn vẹn với pháp tánh mà cảm được ba nghiệp, đều không có dụng công, tận cùng Chúng sinh giới, cùng lúc ứng với tất cả không có gì chướng ngại.

2) Từ “Liễu đạt Chánh pháp...” trở xuống có mười câu, khiến cho nhân tròn vẹn-quả đầy đủ trong phần vị Giải-Hạnh. Câu 2 nói Đại lực điền, nghĩa là gieo trồng một ít thiện căn vào trong đó, mà có thể hủy hoại nhiều phiền não. Câu 3 nói Kiên cố bậc nhất, là bởi vì Đại Nguyên của Bi-Trí không có gì có thể hủy hoại.

3) Từ “Tất năng cụ túc nhất thiết Bồ-tát thanh tịnh tâm...” trở xuống có tám câu, khiến cho nhân hạnh viên mãn trong phần vị Thập Địa. Bản kinh thời Tấn quyển thứ 1 gọi là Trực tâm bình đẳng, tức là lúc mới chứng được Chân Như. Ở đây dựa theo lìa xa chướng ngại, cho nên nói là thanh tịnh. Câu 2 nói gặp được Thiện tri thức sinh tâm Đại hoan hỷ, chính là thuận với Địa thứ nhất được thấy nhiều vị Phật, cho nên nói là tất cả sự việc.

4) Từ “Linh đắc Nhất thiết trí thành Đẳng Chánh Giác...” trở xuống có mười câu, khiến cho thành tựu quả Phật viên mãn. Câu 8 nói không phải một-không phải khác, tức là không có Thể tánh-không có dấy khởi Thân thông trong phẩm Thập Thông. Bởi vì hiểu rõ tất cả là vô vi như nhau, cho nên không phải một-khác. Chuyển biến tự tại đối với tất cả cảnh giới Tự-Tha, Nhiễm- Tịnh.... Nghiệp dụng vô ngại ngay trong nhau, dấy khởi lẫn nhau mà không phải một-khác. Lại không phải một-khác, thuận theo làm thành bốn câu phân biệt, như phẩm Thập Nhẫn trình bày. Nhưng các nghĩa nói trên, hướng về mỗi một phần vị đều có nguyên cớ, e rằng chán ngán văn nhiều phức tạp cho nên nêu ra tóm tắt mà thôi. Vả lại, Hành bố-Viên dung vô ngại, không thể nào nhất định chấp vào.

Trong tiết ba là kết luận về thành tựu lợi ích của hồi hướng, có hai: 1- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau. 2- Từ “Hàm linh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của lợi ích. Văn có mười ba câu, hiển bày về hai loại Sinh thuộc tất cả các đức:

Ba câu đầu là hiển bày về Sinh thuộc Thắng diệu, hai câu là nhân, một câu là quả. Thanh tịnh, là Trì giới thì thọ thân trời-người. Lìa xa keo kiệt, là Bố thí thì có tài sản-địa vị lớn. Tài sản-địa vị của trời-người tức là Sinh thuộc Thắng diệu, có uy đức to lớn.

Mười câu sau là hiển bày về Sinh thuộc Công đức. Sinh thuộc Công đức, tức là quyết định về Đạo thù thắng, có đầy đủ tài sản-địa

vị lớn trong trời-người; không có Tín-Giải... không phải là Sinh thuộc Công đức: 1- Phát sinh Tín-Giải to lớn, chọn lấy khác với tà vạy nhỏ bé. 2- Vĩnh viễn lìa xa chướng ngại của ba Độc, Ứ tức là Si, Trước tức là Tham, cũng bao gồm các chướng ngại khác, cho nên đưa vào chữ Chư. 3- Từ “Kỳ tâm...” trở xuống tức là đức của lìa xa ba Độc: Câu đầu là tổng quát; từ “Chất trực...” trở xuống là riêng biệt, bởi vì lìa xa Sân cho nên thẳng thắn mềm mỏng, bởi vì lìa xa Tham cho nên không có nịnh bợ quanh co, bởi vì lìa xa Si che lấp cho nên không có mê hoặc ngu si. 4- Tu tập Định-Tuệ chân thật là Đạo của xuất ly. 5- Vận dụng Đồng Thể Bi là tâm bình đẳng. 6- Nhân tiến vào Vô lậu là pháp thiện thanh tịnh. 7- Do lìa xa lỗi lầm trước đây, không não hại chúng sinh, Tự hành không mất mà đầy đủ có thể hồi hướng. 8- Tự và Tha đều lợi ích. 9- Diệt trừ nhân xấu ác. 10- Tu tập thực hành theo pháp thiện.

Trong mục b là Hồi hướng để khuyến khích chúng sinh, có hai: Một- Khiến cho Bi-Trí cùng thực hành mà thành tựu Hồi hướng; Hai- Từ “Vị linh...” trở xuống là trình bày về ý của Hồi hướng. Ý bao gồm chủ động-thụ động, dựa theo chủ động thì Bồ-tát vì chúng sinh như vậy mà giáo hóa, dựa theo thụ động thì chúng sinh đã giáo hóa nên làm như vậy. Văn có sáu câu, trong câu 2 nói về Tánh tức là nghĩa của Thể tánh, tức là nguyên cơ bao gồm Lý-Sự.

Mục c: Từ “Hựu dĩ...” trở xuống là Hồi hướng cứu cánh.

Trên đây nói về lần lượt chuyển tiếp Hồi hướng, bởi vì tùy theo thích hợp, cho nên có lẽ bao gồm nhân quả thế gian và xuất thế gian. Nay hồi hướng đã đến cuối cùng, chỉ nguyện được thành tựu quả cứu cánh, An ổn là bởi vì không có phiền não chướng ngại, An lạc là bởi vì chỉ có rỗng rang vắng lặng.

Trong mục hai là Hồi hướng Thật tế, có hai: Đầu là nhắc lại Tùy tướng trước đây; sau từ “Bất trước...” trở xuống là chính thức hiển bày về Ly tướng. Có mười câu-năm cặp: 1- Nhân quả thuộc về nghiệp của mình; 2- Thân tướng và tài sản của mình; 3- Nơi chốn khởi Hạnh; 4- Chúng sinh đã giáo hóa; 5- Pháp thực hành đã hồi hướng, cũng bao gồm tất cả. Không đắm theo tất cả các pháp, là bởi vì hiểu rõ về Pháp Không. Không đắm theo không có tất cả, là bởi vì Không cũng Không.

Mục ba: Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về ba loại Hồi hướng, gần thì vẫn khởi lên trước đây, nghĩa là ngay Hồi hướng Ly tướng không ngăn ngại gì Hồi hướng Tùy tướng nói trên; xa thì kết luận về văn trên. Bố thí tất cả thế gian tức là Hồi hướng Chúng sinh, Nguyện cho chúng sinh thành Phật tức là Hồi hướng Bồ-đề, đạt được tâm thanh

tịnh tức là Hồi hương Thật tế, thành tựu chủng tánh của chư Phật ba đời tức là tổng quát kết luận về công năng của ba loại Hồi hương.

Phần 2 là Hồi hương thành tựu lợi ích, tức là do Hạnh này mà thành tựu đức rộng lớn, có bốn lần nói “Phật tử” tức là bốn đoạn: Một- Thành tựu đức rộng lớn ở phần vị của nhân; Hai- Thành tựu đức thanh tịnh ở phần vị của quả; Ba- Đức hội tụ-xa cách tự tại; bốn-Đức bình đẳng tất cả với nhau.

Hai đoạn trước tức là lợi ích của Hồi hương Tùy tướng, hai đoạn sau tức là lợi ích của Hồi hương Ly tướng. Lại đoạn một là đức thành tựu ở hiện tại, đoạn hai là đức thành tựu ở vị lai, hai đoạn này là nhân-quả làm một cặp; đoạn ba là đức của tướng hội tụ, đoạn bốn là đức đạt được Thật, hai đoạn này là hội tụ-xa cách mà thâm nhiếp pháp làm một cặp.

Đoạn một: Trước là nhắc lại lúc thành tựu lợi ích, hiển bày về lúc đang tu tập đã thành tựu lợi ích này; sau từ “Siêu xuất...” trở xuống là chính thức hiển bày.

Hiển bày có mười hai câu: Hai câu đầu là tổng quát, câu trước là hiển bày về sâu xa cho nên không có thể vượt qua được, câu sau là hiển bày về rộng lớn cho nên ca ngợi không hết được. Mười câu sau là riêng biệt thâm nhiếp làm thành năm cặp:

1) Sở hành và Sở kiến làm một cặp, trong Sở hành thì trước là công hạnh thực hành, sau là quốc độ đi đến; trong Sở kiến thì trước là thấy quả, sau là thấy nhân.

2) Thuyết pháp sâu rộng làm một cặp, bởi vì Sự-Lý phương tiện khéo léo, cho nên Pháp-Nghĩa rất sâu xa, Tổng trì bao hàm rộng rãi, Từ-Biện không gián đoạn.

3) Từ “Vị chúng sinh...” trở xuống là hiện thân và trang nghiêm quốc độ làm một cặp, ở trong trang nghiêm quốc độ, trước là quả-sau là nhân.

4) Từ “Niệm niệm linh...” trở xuống là thành tựu và thâm nhiếp chúng sinh làm một cặp, trước là thành tựu, sau từ “Ư bỉ...” trở xuống là thâm nhiếp chúng sinh.

5) Từ “Đắc vô ngại...” trở xuống là từ xa mà nghe nhanh chóng hưởng về làm một cặp, trước là trình bày về từ xa mà nghe, nghe rồi nhất định tu hành; sau từ “Trú vô đắc...” trở xuống là nhanh chóng hưởng về, hưởng về đều là Vô đắc, không dựa vào Tĩnh lực cho nên nói là Vô y, không khởi lên Gia hạnh cho nên nói là Vô tác, không nhiễm theo cảnh của Thần thông cho nên nói là Vô trước. Dựa vào Vô y này cho nên có

thể lập tức hiện bày trong sát-na...; nhìn thấy như nhau, là quốc độ đi đến tuy nhiều mà làn gió Đạo pháp không có gì khác nhau.

Đoạn hai: Thành tựu đức thanh tịnh ở phần vị của quả, văn phân làm hai: Một- Nhắc lại hiện tại so với vị lai, nghĩa là kết luận về đức thuộc nhân trước đây hãy còn Vô tận như thế, huống là đức thuộc quả thành tựu ở vị lai, lẽ nào có thể suy lường hay sao? Hai- Từ “Nhất thiết Phật sát...” trở xuống là giải thích xa về tướng ở vị lai, nghĩa là hình tướng của quả sẽ thành tựu.

Sơ lược nêu ra mười loại này: Sáu loại trước là tướng của quả tròn vẹn đầy đủ; bốn loại sau là nêu ra nhân để hiển bày về quả. Nghĩa là quả này đầy đủ nhờ vào nhân tròn vẹn, đều nói thanh tịnh là không có nhiễm nào không trừ sạch, nói bình đẳng là không có Lý nào không chứng được, nhiễm-tịnh đều hư rỗng cho nên nói là bình đẳng, tịnh phù hợp với Lý chỉ nói là thanh tịnh. Trên đây nói về Đức Dụng của nhân quả. Nếu không phải là các phần vị thâm nhiếp lẫn nhau của Viên giáo, thì sao có thể đạt được Vô ngại này ở Địa tiền?

Trong đoạn ba-Đức hội tụ-xa cách tự tại, có hai: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, kết thúc ở đây có hai: 1- Gần là kết luận về đức của quả nói trên, đức của quả Vô biên ở phần trên nói không hết được, cho nên nói là tất cả công đức thanh tịnh; 2- Bao gồm kết luận về nhân quả, bởi vì lợi ích của Hồi hưởng Tùy tướng đã xong, muốn trình bày về đạt được lợi ích của Hồi hưởng Tùy tướng, tức là có Hồi hưởng Ly tướng, cho nên tổng quát kết luận nói rằng: Đạt được tất cả công đức, cho đến trang nghiêm viên mãn, vì vậy cho nên có mà không trái nhau... Hai- Từ “Như thị hồi hưởng thời...” trở xuống là chính thức hiển bày về lợi ích của hội tụ-xa cách. Có mười lăm cặp, tất cả phân làm bốn: Mười một cặp đầu là Pháp-Pháp hưởng về với nhau không có trái ngược, hai cặp tiếp là Thế-Thế không có trái ngược, một cặp tiếp là Thế-Pháp không có trái ngược, một cặp sau cuối là nhân-quả không có trái ngược, tức là tổng quát kết luận.

Trong mười một cặp đầu, phân ba: Đầu là sáu cặp về Sự-Sự không có trái ngược; tiếp từ “Pháp tánh...” trở xuống là hai cặp về Sự-Lý không có trái ngược; sau từ “Sát bình đẳng...” trở xuống là ba cặp về Lý-Lý không có trái ngược.

Sáu cặp đầu: 1- Y và Chánh; 2- Nghiệp và Quả; 3- Vương và Sở; 4- Tâm và Cảnh; 5- Nghiệp và Báo. Cặp 2 là dẫn dắt nghiệp, cặp 5 là đầy đủ nghiệp. 6- Chánh và Trợ không có trái ngược, tư duy trước hành động là phương tiện tạo nghiệp, chỉ gọi là Nghiệp; do tư duy mà khởi

lên hành động của thân-khẩu-ý, gọi là Nghiệp đạo, bởi vì trải qua thực hiện là do tư duy. Bản kinh thời Tấn gọi là Nghiệp Tích, Tích (Dấu vết) tức là Đạo (Con đường). Sự-Sự này sở dĩ không có trái ngược là bởi vì tùy theo tánh dung thông, bởi vì duyên khởi dựa vào nhau, bởi vì cùng một nghĩa về duyên khởi. Cũng do hai mục sau mà khiến cho mục này không có trái ngược.

Tiếp là hai cặp về Sự-Lý không có trái ngược: Cặp đầu là dựa theo pháp thuộc Tướng thụ động để luận về Tánh-Tướng không có trái ngược, cặp sau là dựa theo bốn Tướng thuộc Tướng chủ động để phân rõ về Tánh-Tướng không có trái ngược sơ lược nêu ra một đời mà thôi. Tánh không trái với Tướng, là Lý mà có thể thành tựu Sự; Tướng không trái với Tánh, là Sự mà có thể hiển bày Lý, không thay đổi Chân tế mà kiến lập các pháp, không làm hỏng Giả danh mà nói đến Thật tướng.

Sau là ba cặp về Lý-Lý không có trái ngược: 1- Y báo và Chánh báo; 2- Con người và Pháp; 3- Chủ động và thụ động. Chứng đến phạm vi lìa xa dục tức là Lý thụ động chứng được, chúng sinh an trú tức là Trí chủ động chứng được, Trí đi sâu vào Lý cho nên cả hai không có trái ngược.

Nhưng ba mục trên không có trái nhau, hai mục đầu và sau chỉ dựa vào chủng loại khác nhau hưởng về với nhau, bởi vì trong mục sau dùng Sự đạt được Lý cho nên có nhiều bình đẳng. Mục giữa là Sự-Lý không có trái ngược, bởi vì có hai nghĩa: a- Chủng loại của mình hưởng về với nhau, như quốc độ hưởng về quốc độ bình đẳng; b- Chủng loại khác nhau hưởng về với nhau, như quốc độ hưởng về chúng sinh bình đẳng, bình đẳng tức là Lý của Vô tánh. Mở rộng về mục này thì có bốn câu phân biệt (Tứ cú), nếu luận bàn tường tận thì có năm lớp bốn câu phân biệt.

Bốn câu phân biệt thứ nhất: 1- Quốc độ; 2- Chúng sinh; 3- Lý Vô tánh của quốc độ; 4- Lý Vô tánh của chúng sinh. Bốn câu phân biệt này làm căn bản.

Bốn câu phân biệt thứ hai: 1- Quốc độ ngay nơi quốc độ Vô tánh, bởi vì Sự không tồn tại; 2- Không ngay nơi Vô tánh, bởi vì không hủy hoại Sự; 3- Quốc độ Vô tánh ngay nơi quốc độ, bởi vì không giữ lấy tự tánh; 4- Không ngay nơi quốc độ, bởi vì tánh không biến đổi.

Bốn câu phân biệt thứ ba: Chúng sinh cùng với Vô tánh cũng giống như quốc độ, nói ở bốn câu phân biệt thứ hai trên đây, đều có câu 1 và câu 3, là chủng loại của mình hưởng về với nhau trong Tánh-Tướng không có trái ngược ở mục thứ hai; đều có câu 2 và câu 4, tuy không

phải là Vô ngại mà cũng không trái ngược nhau, nghĩa nói như trên.

Bốn câu phân biệt thứ tư: 1- Quốc độ Vô tánh ngay nơi chúng sinh Vô tánh, bởi vì không hai; 2- Không ngay nơi đó, bởi vì không thể nào ngay nơi đó; 3- Quốc độ ngay nơi chúng sinh, bởi vì Vô tánh là chúng sinh, cho nên quốc độ đã là Vô tánh ngay nơi chúng sinh; 4- Quốc độ không ngay nơi chúng sinh, bởi vì không ngăn ngại cho nên cả hai cùng tồn tại. Trong này, hai câu đầu là Lý-Lý không có trái ngược ở mục thứ ba, bởi vì không thể nào ngay nơi đó cho nên cũng không thể nào trái ngược; câu 3 là Sự-Sự không có trái ngược ở mục thứ nhất, câu 4 tuy không phải là Vô ngại mà cũng không trái ngược nhau.

Bốn câu phân biệt thứ năm: 1- Quốc độ ngay nơi chúng sinh Vô tánh; 2- Không ngay nơi đó; 3- Chúng sinh ngay nơi quốc độ Vô tánh; 4- Không ngay nơi đó. Trong này, câu 1 và câu 3 là chủng loại khác nhau, Sự-Lý hướng về với nhau, trong Lý-Sự không có trái ngược ở mục thứ hai; câu 2 và 4 tuy không làm hỏng Tánh-Tướng, mà cũng không trái ngược nhau. Nhưng bởi vì môn không giống nhau cho nên có nhiều sai biệt, Lý thật thì tất cả các câu đều dung thông với nhau.

Hai cặp tiếp dựa theo Thế-Thế, một cặp tiếp dựa theo Thế-Pháp, một cặp sau dựa theo nhân-quả, vẫn đều có thể biết.

Đoạn bốn: Đức bình đẳng tất cả với nhau, vẫn phân làm hai: Một-Đạt được lợi ích của Hồi hướng Ly tướng bình đẳng; hai-Từ “Đắc thừa sự nhất thiết Phật...” trở xuống là trình bày về đạt được lợi ích của các tướng không hủy hoại.

Phần ba: Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi, có thể biết.

Phần sau là phân rõ về Quả thuộc phần vị và lợi ích khác nhau, thành tựu lợi ích là dựa theo đạt được quả ở trong phần vị. Ngay nơi phần vị đầy đủ ấy, có hai mươi một câu: Một câu đầu là nhắc lại phần trước, một câu sau là tổng quát kết luận, mười chín câu ở giữa thâm nhiếp làm chín quả.

Chín quả: 1- Quả thuộc đoạn nhiễm-hàng phục ma oán, nghĩa là chấm dứt duyên ác, nhổ sạch gai dục, là đoạn trừ nhân ác. 2- Quả thuộc tiến vào chứng được, đạt được niềm vui Xuất ly chính là chứng được an trú trong tánh không hai, là chứng được nhân. 3- Quả thuộc lợi ích cho chúng sinh, đầy đủ uy đức to lớn, tức là nhân của che chở chúng sinh. 4- Quả thuộc trong ngoài siêu việt thù thắng, nghĩa là Đức bên trong-Dụng bên ngoài. 5- Từ “Vãng nhất thiết...” trở xuống là quả thuộc Tịch-Dụng vô ngại. 6- Từ “Cụ nhất thiết...” trở xuống là quả thuộc Hạnh-Nguyên rộng lớn. 7- Từ “Phân biệt...” trở xuống là quả thuộc Trí-Thông thù

thắng. 8- Từ “Đắc vô ngại...” trở xuống là quả thuộc thấy-nghe tự tại.
9- Từ “Ưu nhất thiết cảnh...” trở xuống là quả thuộc tu hành đầy đủ, trước là thành tựu, sau là Vô đắc.

Phần trùng tụng, có hai mươi một kệ phân ba: Mười một kệ đầu, tụng về phần Hồi hương; chín kệ tiếp, tụng về phần lợi ích thành tựu; một kệ sau là kết luận ca ngợi.

Mười một kệ đầu, phân 2: Đầu là nửa kệ, tụng về phần thiện căn đã hồi hương; những kệ còn lại tụng về phần thâm nhiếp để hồi hương. Trong đó có ba: Đầu có ba kệ rưỡi, tụng về phần hồi hương thiện căn đã tu, nguyện thành tựu vật dụng tài sản để bố thí chúng sinh; tiếp từ “Bồ-tát vị độ...” trở xuống có năm kệ, tụng về phần tiếp tục hồi hương Hạnh bố thí này, nguyện khiến cho chúng sinh đầy đủ Tài-Pháp; sau từ “Bồ-tát ngôn từ...” trở xuống có hai kệ, tụng về phần Hồi hương Thật tế.

Chín kệ tiếp từ “Tri chư thế gian...” trở xuống là tụng về phần lợi ích thành tựu, trong đó có ba: Đầu là hai kệ, tụng về Đức của nhân rộng lớn; tiếp là năm kệ, tụng về Đức của quả thanh tịnh; sau là hai kệ, tụng về Đức bình đẳng tất cả với nhau. Lược qua không tụng về phần Đức hội tụ-xa cách tự tại, ở trên đã nêu ra đầy đủ.

Nhưng tụng về ba đoạn này, thì xu thế có phần khác với trước, trước là nói thẳng vào lợi ích, nay bao gồm hiển bày về nhân của hồi hương.

